TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2021/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 05 tháng 03 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Chị Lưu Thị Ánh N, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn D, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

- Anh Phan T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Lưu Thị Ánh N, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn D, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

- Anh Phan T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị N và anh T công nhận có một người con chung tên là Phan Thị Kim N1, sinh ngày 01/01/2017 hiện đang ở với chị N. Hai anh chị thỏa thuận giao cháu N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng là 1.000.000 *(một triệu)* đồng kể từ tháng 03 năm 2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự công nhận không có tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn (chị N) tự nguyện chịu án phí ly hôn 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001086 ngày 05/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đạt